

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 40/2002/PL-
UBTVQH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2002

PHÁP LỆNH

Giá

Để góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình ổn giá, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/NQ-QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 52/2001/NQ-QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002;

Pháp lệnh này quy định về giá.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Pháp lệnh này quy định quản lý nhà nước về giá và hoạt động về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.
- Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
- Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về giá khác với Pháp lệnh này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý giá

1. Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo đúng pháp luật.
2. Nhà nước sử dụng các biện pháp cần thiết để bình ổn giá, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

Điều 3. Giám sát thi hành pháp luật về giá

1. Các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành pháp luật về giá.
2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận động viên nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật về giá, giám sát việc thi hành pháp luật về giá.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giá bao gồm giá do Nhà nước quyết định, giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và giá thị trường.
2. Thẩm định giá là việc đánh giá hoặc đánh giá lại giá trị của tài sản phù hợp với thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định theo tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc thông lệ quốc tế.
3. Bán phá giá là hành vi bán hàng hoá, dịch vụ với giá quá thấp so với giá thông thường trên thị trường Việt Nam để chiếm lĩnh thị trường, hạn chế cạnh tranh đúng pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác và lợi ích của Nhà nước.
4. Liên kết độc quyền về giá là thoả thuận giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ấn định một mức giá để chiếm lĩnh thị trường, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.
5. Giá độc quyền là giá hàng hoá, dịch vụ chỉ do một tổ chức, cá nhân bán, mua trên thị trường hoặc là giá hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân liên kết độc quyền

chiếm phần lớn thị phần, có sức mạnh chi phối giá thị trường.

6. Giá biến động bất thường là giá tăng hoặc giảm trong trường hợp khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa hoặc trong trường hợp bất thường khác.

Chương 2:

ĐIỀU HÀNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Mục 1: BÌNH ỔN GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 5. Mục tiêu bình ổn giá

Nhà nước thực hiện các chính sách, biện pháp cần thiết tác động vào quan hệ cung cầu để bình ổn giá thị trường đối với những hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, kiểm soát lạm phát, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước, góp phần khuyến khích đầu tư, phát triển.

Điều 6. Biện pháp bình ổn giá

1. Trường hợp giá thị trường của hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu có biến động bất thường thì Nhà nước sử dụng những biện pháp sau đây để bình ổn giá:

a) Điều chỉnh cung cầu hàng hoá sản xuất trong nước và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hoá giữa các vùng, các địa phương trong nước;

b) Mua vào hoặc bán ra hàng hoá dự trữ;

c) Kiểm soát hàng hoá tồn kho;

d) Quy định giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá;

đ) Kiểm soát các yếu tố hình thành giá;

e) Trợ giá nông sản khi giá thị trường xuống quá thấp gây thiệt hại cho người sản xuất; trợ giá hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác.

2. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn và loại hàng hoá, dịch vụ được áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này để góp phần bình ổn giá.

Mục 2: ĐỊNH GIÁ, HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 7. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá bao gồm:

- a) Đất đai, mặt nước, tài nguyên quan trọng;
- b) Tài sản của Nhà nước được bán, cho thuê;
- c) Hàng hoá, dịch vụ độc quyền;
- d) Hàng hoá, dịch vụ quan trọng đối với quốc kế dân sinh.

2. Nhà nước định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bằng các hình thức sau đây:

- a) Mức giá cụ thể;
- b) Mức giá chuẩn;
- c) Khung giá;
- d) Giá giới hạn tối đa, tối thiểu.

3. Chính phủ quy định cụ thể danh mục tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 1 Điều này và việc áp dụng các hình thức định giá quy định tại khoản 2 Điều này trong từng thời kỳ.

Điều 8. Căn cứ định giá

Nhà nước định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này căn cứ vào chi phí sản xuất, lưu thông; quan hệ cung cầu; sức mua của đồng tiền Việt Nam; giá thị trường trong nước và thế giới và chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 9. Thẩm quyền định giá

1. Thẩm quyền định giá được quy định như sau:

- a) Chính phủ quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ đặc biệt quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;
- b) Thủ tướng Chính phủ quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của nhiều ngành;
- c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ có tác động nhiều đến phát triển kinh tế của ngành mình;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ có tác động nhiều đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền định giá quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá phải kịp thời điều chỉnh giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá trong nước và thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá điều chỉnh giá theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệp thương giá

Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tổ chức hiệp thương giá giữa bên mua, bên bán đối với hàng hoá, dịch vụ quan trọng có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán không thuộc phạm vi định giá của Nhà nước quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này theo đề nghị của bên mua, bên bán hoặc theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 12. Kết quả hiệp thương giá

1. Kết quả hiệp thương giá do các bên thỏa thuận được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá ban hành để thi hành.

2. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá mà các bên vẫn chưa thỏa thuận được mức giá thì cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá quyết định giá tạm thời để các bên thi hành cho đến khi các bên thỏa thuận được mức giá nhằm kịp thời phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Mục 3: THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 13. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá

1. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá bao gồm:

- a) Tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;
- b) Tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác;